

Phụ lục 2.

Quy trình khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ nhóm đối tượng bị bệnh hiểm nghèo, bị suy giảm khả năng lao động có hoàn cảnh khó khăn theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn 980/HD-SLĐTBXH ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Cách xác định mức thu nhập theo bộ Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố¹, được tính như sau:

- Thu nhập của từng thành viên trong năm = Thu nhập bình quân hàng tháng x số tháng có việc làm trong 12 tháng qua.

- Tổng thu nhập của hộ trong năm = Cộng thu nhập của tất cả các thành viên trong 12 tháng qua.

- Cách tính thu nhập bình quân 01 người/năm = Tổng thu nhập của hộ trong năm/tổng số thành viên của hộ.

(Thu nhập bình quân của thành viên trong năm là thu nhập bình quân 01 người trong năm của hộ).

2. Xác định các nhóm đối tượng thụ hưởng: bao gồm đối tượng được quy định tại khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố.

2.1 Chính sách hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định, nhưng chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng.

a. Xác định đối tượng:

- Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng

¹ Thực hiện mức thu nhập năm 2024-2025 là từ 46 triệu đồng/người/năm trở xuống. Mức chuẩn nghèo Thành phố sẽ được điều chỉnh theo từng giai đoạn.

6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế);

- Người thuộc hộ nghèo, cận cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội)

b. Hồ sơ thủ tục:

- Tờ khai đề nghị được hưởng trợ cấp (*Phụ lục Tờ khai của từng nhóm đối tượng*).
- Giấy chứng nhận thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Giấy xác nhận/giám định hay hồ sơ bệnh án đang điều trị đối với người bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) hoặc Giấy giám định tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên của Hội đồng giám định y khoa đối với người bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội).

2.2 Chính sách hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND

a. Xác định đối tượng tại điểm a khoản 4: Người mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định.

b. Hồ sơ thủ tục:

- Tờ khai đề nghị được hưởng trợ cấp (*Phụ lục Tờ khai của từng nhóm đối tượng*)
- Giấy xác nhận thực tế cư trú tại địa phương của Công an phường, xã, thị trấn theo qui định của Luật Cư trú và Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú (theo mẫu CT10 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng, Bộ Công an).

- Giấy xác nhận/giám định hay hồ sơ bệnh án đang điều trị đối với người mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định..

- Danh sách/xác nhận, bảng tổng hợp số lượng đối tượng và biên bản khảo sát bình nghị hộ gia đình, đối tượng được hưởng chính sách đặc thù được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định.

3. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ hàng tháng tại cộng đồng

- Đối tượng thuộc khoản 2: Mức hỗ trợ **1,0** lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

- Căn cứ danh sách các nhóm đối tượng khoản 2 hưởng chính sách đặc thù do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký quyết định công nhận; ngay sau khi được chuyển kinh phí, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành các thủ tục để chi trả hàng tháng cho đối tượng thụ hưởng thông qua “Tài khoản ngân hàng” và thực hiện thanh quyết toán ngân sách theo quy định.

Lưu ý: Tất cả các nhóm đối tượng được xét duyệt hưởng chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND phải có tài khoản ngân hàng (thẻ ATM) để nhận kinh phí hỗ trợ.

b) Hỗ trợ cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí

- Các đối tượng thuộc khoản 2, điểm a khoản 4: được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. Mệnh giá thẻ/năm theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế (trừ trường hợp trẻ em dưới 6 tuổi, người thuộc diện hộ nghèo; riêng người thuộc hộ cận nghèo hỗ trợ kinh phí 30% giá trị thẻ còn lại sau khi đã được hỗ trợ 70% giá trị thẻ được thụ hưởng trong Chương trình Giảm nghèo bền vững).

II. Quy trình rà soát, xét duyệt đối tượng

I. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã:

Bước 1:

- Trên cơ sở danh sách hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí nghèo đa chiều của Thành phố quy định do địa phương đang quản lý tại thời điểm rà soát, khảo sát; trường Ban Điều hành khu phố/ấp thực hiện khảo sát, rà soát thông tin của đối tượng trong các hộ gia đình để xác định các đối tượng, cụ thể: hướng dẫn đối tượng có nhu cầu hỗ

trợ hoặc người được đối tượng ủy quyền viết Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội và nộp các bản sao giấy tờ chứng minh có liên quan

- Đối với điểm a khoản 4: Trên cơ sở danh sách hộ gia đình có khả năng nằm trong mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được trưởng Ban điều hành khu phố/ấp giới thiệu; thực hiện hướng dẫn đối tượng có nhu cầu hỗ trợ hoặc người được đối tượng ủy quyền viết Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội và nộp các bản sao giấy tờ chứng minh có liên quan.

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng không có khả năng viết tờ khai đề nghị hoặc không có người giám hộ, người thân thích sống cùng viết tờ khai đề nghị được hỗ trợ thì trưởng Ban Điều hành khu phố/ấp sẽ hỗ trợ viết thay hoặc thông qua người được ủy quyền theo quy định pháp luật (nếu có).

Bước 2:

Sau khi tổ chức khảo sát, rà soát, trong vòng 07 ngày, cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh và xã hội phường, xã, thị trấn phối hợp cùng trưởng Ban Điều hành khu phố/ấp nghiệm thu Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội và tổng hợp thành Danh sách đối tượng (theo mẫu Danh sách) cho từng nhóm đối tượng.

Lưu ý: Đối với đối tượng thuộc khoản 2 của Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND đã được Ủy ban nhân dân phường – xã – thị trấn ban hành Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm rà soát, khảo sát; vì vậy, không thực hiện quy trình bình nghị công khai ở bước 3 và bước 4.

Bước 3: Tổ chức họp để thống nhất kết quả khảo sát, rà soát

- Thành phần tham dự họp: Đại diện Đảng ủy, Hội đồng nhân dân (nếu có), Ủy ban nhân dân (chủ trì họp), Công an, các Hội, đoàn thể phường, xã, thị trấn, cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội, công tác Giảm nghèo bền vững, Công tác trẻ em ..., Cấp Ủy chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận, Trưởng Ban Điều hành khu phố/ấp có đối tượng được khảo sát, rà soát; một số hộ gia đình khác cùng dự họp; mời địa diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã, thị trấn tham dự, giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự họp về kết quả khảo sát, rà soát cho từng nhóm đối tượng. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50% thực hiện rà soát lại theo quy định tại Bước 2 mục này.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở Khu phố/Áp và 01 bản lưu ở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn).

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả khảo sát, rà soát cho từng nhóm đối tượng tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng và trụ sở Văn phòng – Trụ điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao khu phố/ ấp, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; thông báo qua đài truyền thanh phường, xã, thị trấn (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; đồng thời, niêm yết công khai lại kết quả phúc tra theo quy định.

Bước 5: Sau khi đã hết thời gian công khai trong nhân dân 03 ngày; UBND phường, xã, thị trấn tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức để thẩm định và ban hành quyết định công nhận, báo cáo gồm:

- Công văn đề nghị ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND

- Báo cáo kết quả khảo sát, rà soát, bình nghị: nêu rõ từng nhóm đối tượng được xét duyệt (*theo Phụ lục Báo cáo kết quả khảo sát*)

- Lập danh sách tổng hợp theo mẫu từng nhóm đối tượng đề nghị trợ cấp (đã thông qua cuộc họp bình nghị)

- Hồ sơ của từng đối tượng: Tờ khai đề nghị được hưởng trợ cấp + các giấy tờ liên quan để việc xét trợ cấp.

Bước 6:

Khi nhận được giấy báo có kinh phí, tùy điều kiện cụ thể của địa phương, UBND phường, xã, thị trấn lựa chọn phương thức chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng phù hợp; thực hiện thanh quyết toán kinh phí với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy định.

b) Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức (sau đây gọi tắt là UBND)

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong vòng 05 ngày làm việc kiểm tra, tổng hợp và thẩm định các báo cáo UBND phường, xã, thị trấn về kết quả khảo sát, rà soát các nhóm đối tượng trên để báo cáo và tham mưu UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức Quyết định công nhận hỗ trợ đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 2 và điểm a, Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023.

- Sau khi Chủ tịch UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức ban hành Quyết định, trong vòng 05 ngày làm việc, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự

toán kinh phí thực hiện hỗ trợ đối tượng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định.

Trong vòng 05 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và trình Chủ tịch UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức giao dự toán hàng năm. Sau khi có Quyết định giao dự toán, căn cứ phân công nhiệm vụ của UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện chuyển kinh phí cho UBND phường, xã, thị trấn để thực hiện việc hỗ trợ người dân, tổng hợp và quyết toán ngân sách theo quy định.

c) Một số lưu ý

- Việc hỗ trợ được thực hiện hàng tháng. Thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ hàng tháng trước ngày 10 của tháng tiếp theo.

- Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ không nhận hỗ trợ tháng này thì được nhận vào tháng kế tiếp. Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ đi khỏi nơi cư trú quá 02 tháng có lý do chính đáng (đi học, chữa bệnh, thăm người thân) thì được truy lĩnh kinh phí hỗ trợ của những tháng chưa lĩnh.

- Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ di chuyển khỏi nơi cư trú giữa các phường, xã, thị trấn, giữa các quận, huyện, thành phố Thủ Đức trên địa bàn Thành phố; thì UBND phường, xã, thị trấn nơi đối tượng chuyển đi làm giấy xác nhận cho đối tượng đến nơi cư trú mới đăng ký, khai báo để tiếp tục nhận hỗ trợ.

- Trường hợp trong 02 tháng liên tiếp đối tượng nhận hỗ trợ không nhận tiền hỗ trợ mà không có lý do chính đáng, thì UBND phường, xã, thị trấn báo cáo UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức bằng văn bản (thông qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để Chủ tịch UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức ra quyết định tạm dừng hỗ trợ.

- Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ đi khỏi nơi cư trú quá 02 tháng về các tỉnh, thành không còn cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, hoặc bị phạt án tù tại trại giam thì UBND phường, xã, thị trấn báo cáo lên quận, huyện và thành phố Thủ Đức ra quyết định dừng hỗ trợ và hoàn trả số tiền người dân chưa nhận về ngân sách (nếu có).

- Trường hợp đối tượng nhận hỗ trợ qua đời, UBND phường, xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức ra quyết định dừng hỗ trợ kể từ tháng tiếp theo sau tháng người nhận hỗ trợ qua đời.

2. Quy trình triển khai thực hiện hỗ trợ cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí

Căn cứ danh sách nhóm đối tượng hỗ trợ đã được UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức ban hành quyết định công nhận

a) Đối với UBND phường, xã, thị trấn

Bước 1: Trong vòng 05 ngày làm việc, cán bộ phụ trách công tác Lao động -

Thương binh và Xã hội phường, xã, thị trấn đối chiếu thông tin trong danh trường khu phố, áp dụng với hồ sơ quản lý về bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là BHYT), để lập danh sách đối tượng nhận hỗ trợ thẻ BHYT (theo Mẫu D03-TS) theo đơn vị hành chính cấp xã (trừ trường hợp đã được cấp thẻ BHYT ở các nhóm có quyền lợi cao hơn).

Bước 2: Gửi danh sách người chỉ tham gia BHYT (theo mẫu D03-TS) và Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (mẫu TK1-TS) của đối tượng cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

Bước 3: Trong vòng 05 ngày sau khi nhận thẻ BHYT, UBND phường, xã, thị trấn thực hiện trao thẻ BHYT cho đối tượng nhận hỗ trợ (nếu có).

b) Đối với UBND quận, huyện và thành phố Thủ Đức

Bước 1: Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong vòng 05 ngày làm việc, kiểm tra, xác nhận danh sách người đủ điều kiện hưởng BHYT, gửi hồ sơ đề nghị cấp thẻ BHYT cho đối tượng theo đúng quy trình hướng dẫn của BHXH Thành phố đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức (kèm file dữ liệu) để được gia hạn hoặc tăng mới thẻ BHYT.

Bước 2: Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức sau khi nhận được hồ sơ của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong vòng 05 ngày làm việc, thực hiện cập nhật dữ liệu cấp thẻ BHYT, in thẻ BHYT (nếu có); đồng thời chuyển danh sách cấp thẻ BHYT (theo mẫu D10a-TS) có ký xác nhận của cơ quan BHXH đối với các trường hợp cấp được thẻ BHYT hoặc mẫu số 02 đối với trường hợp không cấp được thẻ BHYT (do sai thông tin cá nhân hoặc sai mã bệnh viện...) đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức để chuyển thẻ BHYT (nếu có), mẫu D10a-TS, Mẫu số 02 cho UBND cấp xã để làm cơ sở thanh quyết toán.

Định kỳ vào ngày 05 hàng tháng thực hiện đối chiếu số liệu cấp thẻ giữa BHXH quận, huyện và thành phố Thủ Đức với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức

c) Một số lưu ý

- UBND phường, xã, thị trấn lập danh sách tăng, giảm thẻ BHYT hàng tháng, khi có phát sinh.

- Khi giao nhận thẻ BHYT với cơ quan bảo hiểm xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức phải ký Biên bản giao nhận thẻ BHYT theo đúng ngày giờ giao nhận.

- Quy trình thanh quyết toán kinh phí cho các đối tượng theo Hướng dẫn thực hiện theo như quy trình thanh toán BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại địa phương.

- Trường hợp đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ BHYT đã mua thẻ BHYT trong năm 2024, đề nghị UBND phường, xã, thị trấn hướng dẫn người dân cung cấp biên lai

mua thẻ BHYT, photo thẻ BHYT và tổng hợp danh sách, số tiền mua thẻ BHYT được hỗ trợ dựa theo quyết định hỗ trợ gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội để chuyển trả kinh phí cho đối tượng.

Ghi chú: Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu vướng mắc các đơn vị vui lòng liên hệ với Văn phòng Ban chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố (*Chị Nguyễn Thị Giang Châu – Điện thoại: 0908560723 hoặc Chị Lê Thị Thịnh – Điện thoại: 0907874276*) để phối hợp và tham mưu.